

Số: 2198/TB-QLTTHCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2023

**THÔNG BÁO**  
**về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016 của Quốc Hội và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 272/QĐ-QLTTHCM ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng xác định giá khởi điểm để đấu giá tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu;

Căn cứ Quyết định số 289/QĐ-STC ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Sở Tài chính về Phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính tại Tờ trình số 286/TTr-TCHC ngày 27 tháng 7 năm 2023 về việc xử lý tài sản đã họp Hội đồng xác định giá tài sản vào ngày 26/7/2023.

Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị có tài sản đấu giá thông báo đến các tổ chức đấu giá tài sản một số nội dung liên quan đến việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá đối với tài sản như sau:

**Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá:** Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: số 242 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

**1. Thông tin tài sản đấu giá:**

Tên tài sản: Phụ tùng ô tô, các loại, ... (Bảng kê chi tiết hàng hóa sẽ cung cấp cho Tổ chức đấu giá tài sản được chọn ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản).

**Giá khởi điểm:** 64.070.000 đồng, (Sáu mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi ngàn đồng).

**2. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:**

2.1 Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

2.2 Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.



2.3 Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.

2.4 Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.

2.5 Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

2.6 Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

Tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng 100% các tiêu chí bắt buộc mới được đưa vào đánh giá về điểm. Trường hợp không đạt một trong số các tiêu chí bắt buộc thì bị đánh giá là không đạt và bị loại ngay từ vòng sơ tuyển.

### **BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM**

(Theo Phụ lục I, Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp)

| <b>TT</b>  | <b>NỘI DUNG</b>                                                                                                                       | <b>MỨC TỐI ĐA</b> |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| <b>I</b>   | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                 | <b>23</b>         |
| <b>1</b>   | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                               | 11                |
| <b>1.1</b> | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)                            | 6                 |
| <b>1.2</b> | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện                                             | 5                 |
| <b>2</b>   | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                     | 8                 |
| <b>2.1</b> | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá | 4                 |
| <b>2.2</b> | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá            | 4                 |
| <b>3</b>   | Có trang thông tin điện tử đang hoạt động                                                                                             | 2                 |
| <b>4</b>   | Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến                                           | 1                 |
| <b>5</b>   | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá                                                                                                          | 1                 |
| <b>II</b>  | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                          | <b>22</b>         |
| <b>1</b>   | Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan             | 4                 |



|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |           |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2          | Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao                                                                                                                                                                    | 4         |
| 3          | Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4         |
| 4          | Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4         |
| 5          | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3         |
| 6          | Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3         |
| <b>III</b> | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>45</b> |
| 1          | Trong năm trước liên kế đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5                                                                                | 6         |
| 1.1        | Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2         |
| 1.2        | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3         |
| 1.3        | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4         |
| 1.4        | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5         |
| 1.5        | Từ 30 hợp đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6         |
| 2          | Trong năm trước liên kế đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) - Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5 | 18        |
| 2.1        | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 10        |
| 2.2        | Từ 20% đến dưới 40%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 12        |
| 2.3        | Từ 40% đến dưới 70%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 14        |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 2.4 | <i>Từ 70% đến dưới 100%</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 16 |
| 2.5 | <i>Từ 100% trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 18 |
| 3   | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) - Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3                                                                                                                       | 5  |
| 3.1 | <i>Dưới 03 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3  |
| 3.2 | <i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4  |
| 3.3 | <i>Từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5  |
| 4   | So lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản - Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3  |
| 4.1 | <i>01 đấu giá viên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1  |
| 4.2 | <i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2  |
| 4.3 | <i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3  |
| 5   | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) - Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3 | 4  |
| 5.1 | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2  |
| 5.2 | <i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3  |
| 5.3 | <i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4  |
| 6   | Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng - Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5  |
| 6.1 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2  |
| 6.2 | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3  |
| 6.3 | <i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4  |



|                     |                                                                                                                                                                                                                                                                |              |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 6.4                 | Từ 200 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                      | 5            |
| 7                   | Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động - Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2                                                                                                                                                     | 3            |
| 7.1                 | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)                                                                                                                                                                                                  | 2            |
| 7.2                 | Từ 03 nhân viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                        | 3            |
| 8                   | Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn                                                                                                                                   | 1            |
| IV                  | <b>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp - Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</b>                                                                                                                                        | <b>5</b>     |
| 1                   | Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính                                                                                                                                                                                                | 3            |
| 2                   | Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)                                                    | 4            |
| 3                   | Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)                                              | 5            |
| V                   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>                                                                                                                                                                        | <b>5</b>     |
| 1                   | Hồ sơ năng lực có đầy đủ chi tiết giấy tờ liên quan theo quy định; các tài liệu trong hồ sơ năng lực được xếp theo thứ tự các mục nêu tại "Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm" kèm theo Thông báo này                                                           | 1            |
| 2                   | Có giấy đăng ký hoạt động trên địa bàn TP.HCM                                                                                                                                                                                                                  | 1            |
| 3                   | Có bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho tất cả đấu giá viên                                                                                                                                                                                                    | 1            |
| 4                   | Có số lượng hợp đồng đấu giá trong 02 năm gần nhất với Cục QLTT TP.HCM (số lượng; tỉ lệ đấu giá thành); Thực hiện nghiêm túc các quy định về nghĩa vụ của tổ chức đấu giá tài sản và có tiến độ triển khai hợp đồng đúng, đủ, nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả. | 2            |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>100</b>   |
| VI                  | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                                                                                                |              |
| 1                   | Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                           | Đủ điều kiện |



|   |                                                                            |                    |
|---|----------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 2 | Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố | Không đủ điều kiện |
|---|----------------------------------------------------------------------------|--------------------|

### 3. Tiêu chí – thời gian – Địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký:

**3.1 Tiêu chí:** Đơn vị tổ chức đấu giá phải có đầy đủ các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo Bảng tiêu chí, đánh giá, chấm điểm tổ chức tài sản.

**3.2 Thời gian:** Thời gian nhận hồ sơ đăng ký tham gia trong 05 ngày làm việc kể từ ngày 31/7/2023 đến hết ngày 04/8/2023 (*trong giờ hành chính*).

**3.3 Địa điểm nộp hồ sơ:** Phòng Tổ chức - Hành chính Cục Quản lý thị trường thành phố, địa chỉ số: 242 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn không đến làm thủ tục ký kết hợp đồng trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh ban hành thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá thì xem như từ chối ký kết hợp đồng. Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh có quyền liên hệ và ký kết hợp đồng với Tổ chức đấu giá tài sản có kết quả chấm điểm cao kế tiếp để đảm bảo công tác xử lý tài sản được triển khai đúng thời gian quy định.

Lưu ý: Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu, CMND/CCCD (*không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn*).

Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh rất mong nhận được sự hợp tác của các Tổ chức đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh./.

#### Nơi nhận:

- Niêm yết tại Cục QLTT.TP;
- Đăng trên Cổng TTĐT QG về đấu giá tài sản;
- Đăng trên trang TTĐT Cục QLTT;
- Cục trưởng (Để báo cáo);
- TCHC; (NyxLTS 7/23);
- Lưu: VT.



**Hà Trung Cang**

TỔNG CỤC QUẢN LÝ THI TRƯỜNG  
CỤC QUẢN LÝ THI TRƯỜNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**BẢNG KÊ QUYẾT ĐỊNH VÀ DANH MỤC TANG VẬT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TỊCH THU**

(Kèm theo Thông báo số 2198 /TB-QLTTHCM ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Cục Quản lý thị trường Thành phố Hồ Chí Minh)

| STT | Cơ quan ban hành             | Quyết định xử phạt |            | Tài sản                                  | Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri | Nguồn gốc, xuất xứ | Chất lượng hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (chưa bao gồm thuế VAT) | Thành tiền |
|-----|------------------------------|--------------------|------------|------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|---------------------|-------------|----------|---------------------------------|------------|
|     |                              | Số                 | Ngày tháng |                                          |                                   |                    |                     |             |          |                                 |            |
| 1   | <b>ĐỘI SỐ 2 (UBND TPHCM)</b> | 1000               | 23/03/2023 | Van nước dùng cho xe ô tô;               | hiệu Meileng                      | không ghi xuất xứ  | chưa qua sử dụng    | cái         | 28       | 40.000                          | 1.120.000  |
|     |                              | "                  | "          | Nẹp chống nước các loại dùng cho xe ô tô | không hiệu                        | không ghi xuất xứ  | chưa qua sử dụng    | cái         | 80       | 50.000                          | 4.000.000  |
|     |                              | "                  | "          | Dây cảm biến các loại dùng cho xe ô tô   | không hiệu                        | không ghi xuất xứ  | chưa qua sử dụng    | dây         | 28       | 75.000                          | 2.100.000  |
|     |                              | "                  | "          | Nắp bình nước dùng cho xe ô tô           | không hiệu                        | không ghi xuất xứ  | chưa qua sử dụng    | cái         | 40       | 15.000                          | 600.000    |
|     |                              | "                  | "          | Puly dùng cho xe ô tô                    | không hiệu                        | không ghi xuất xứ  | chưa qua sử dụng    | cái         | 15       | 90.000                          | 1.350.000  |
|     |                              | "                  | "          | Rotuyn cân bằng dùng cho xe ô tô;        | không hiệu, loại 51320-SNA-A01ML  | không ghi xuất xứ  | chưa qua sử dụng    | cái         | 24       | 40.000                          | 960.000    |
|     |                              | "                  | "          | Bát cài cân các loại dùng cho xe ô tô    | không hiệu                        | không ghi xuất xứ  | chưa qua sử dụng    | cái         | 40       | 15.000                          | 600.000    |
|     |                              | "                  | "          | Giới hạn cửa dùng cho xe ô tô            | không hiệu                        | không ghi xuất xứ  | chưa qua sử dụng    | cái         | 150      | 60.000                          | 9.000.000  |
|     |                              | "                  | "          | Lọc gió dùng cho xe ô tô                 | không hiệu                        | không ghi xuất xứ  | chưa qua sử dụng    | cái         | 120      | 40.000                          | 4.800.000  |
|     |                              | "                  | "          | Bản lề cửa dùng cho xe ô tô              | không hiệu                        | không ghi xuất xứ  | chưa qua sử dụng    | cái         | 27       | 60.000                          | 1.620.000  |



| STT               | Cơ quan<br>ban hành | Quyết định xử phạt   |            | Tài sản                               | Chủng loại,<br>nhãn hiệu,<br>Imei, Seri | Nguồn gốc,<br>xuất xứ | Chất lượng hàng<br>hóa | Đơn<br>vị<br>tính | Số<br>lượng | Đơn giá<br>(chưa bao<br>gồm thuế<br>VAT) | Thành tiền        |
|-------------------|---------------------|----------------------|------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------|-------------|------------------------------------------|-------------------|
|                   |                     | Số                   | Ngày tháng |                                       |                                         |                       |                        |                   |             |                                          |                   |
|                   |                     | "                    | "          | Dàn nóng máy lạnh dùng<br>cho xe ô tô | không hiệu                              | không ghi<br>xuất xứ  | chưa qua sử dụng       | cái               | 50          | 700.000                                  | 35.000.000        |
|                   |                     | "                    | "          | Rotuyn cân bằng dùng cho<br>xe ô tô   | không hiệu                              | không ghi<br>xuất xứ  | chưa qua sử dụng       | cái               | 73          | 40.000                                   | 2.920.000         |
| <b>Tổng cộng:</b> |                     | <b>01 Quyết định</b> |            |                                       |                                         |                       |                        |                   | <b>675</b>  |                                          | <b>64.070.000</b> |